

Số: 04/ĐA-THPĐA

Uông Bí, ngày 04 tháng 01 năm 2024

ĐỀ ÁN

Vị trí việc làm của Trường Tiểu học Phương Đông A
thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí
(Kèm theo Tờ trình số 05/TTr-THPĐA ngày 04/01/2024
của Hiệu trưởng Trường Tiểu học Phương Đông A)

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Khái quát đặc điểm, nội dung và tính chất hoạt động của nhà trường

1.1. Chức năng, nhiệm vụ, nội dung hoạt động

1.1.1. Chức năng, nhiệm vụ

Trường tiểu học Phương Đông A thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được quy định trong Thông tư số 28/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Cụ thể:

- Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

- Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

- Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.
- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.
- Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.
- Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.
- Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.
- Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

1.1.2. Nội dung hoạt động

- Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông dành cho cấp tiểu học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.
- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động theo quy định của pháp luật.
- Tuyển sinh học sinh; vận động học sinh đến trường; quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong hoạt động giáo dục.
- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của Nhà nước.
- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.
- Thực hiện các hoạt động về kiểm định chất lượng giáo dục.
- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

1.2. Đối tượng, phạm vi, tính chất hoạt động

- Đối tượng: Tổ chức giáo dục và quản lý học sinh trong độ tuổi.
- Phạm vi: Hoàn thành nhiệm vụ giáo dục học sinh bậc tiểu học tại địa phương và trên địa bàn thành phố.
- Tính chất: Tổ chức hoạt động giảng dạy giáo dục cho học sinh từ lớp 01 đến lớp 05 với nhiệm vụ cơ bản được giao là dạy văn hóa ở bậc tiểu học cho học

sinh trong thành phố nhằm đào tạo nguồn nhân lực phục vụ chính sách phát triển kinh tế xã hội thành phố.

1.3. Cơ chế hoạt động

- Là đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập được cấp ngân sách của nhà nước 100%; cơ sở vật chất, tài chính đảm bảo cho hoạt động dạy - học; hoạt động theo quy định tại Luật Giáo dục 2019, Thông tư ban hành Điều lệ trường Tiểu học hiện hành do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Nhà trường hoạt động theo quy chế hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng để giao dịch và hoạt động.

- Nhà trường hoạt động tuân theo pháp luật, Điều lệ trường, Luật giáo dục, Luật viên chức... chính vì vậy cần thiết phải xây dựng đề án để đội ngũ phù hợp với định mức số lượng người làm việc, đồng thời xác định cơ cấu viên chức đạt về chất lượng để luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

2. Những yếu tố tác động đến hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập

Trường Tiểu học Phương Đông A là cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; do UBND thành phố Uông Bí quyết định thành lập và quản lý; chịu tác động bởi các yếu tố sau:

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định về cơ cấu tổ chức, bộ máy, cơ chế hoạt động, số lượng người làm việc, chính sách tinh giản biên chế, số biên chế được giao hằng năm.

- Các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về Điều lệ trường tiểu học; khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập; chế độ làm việc của giáo viên và nội dung Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành. Khi những văn bản này có sự thay đổi, điều chỉnh sẽ tác động trực tiếp tới hoạt động của trường tiểu học công lập.

- Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin của cán bộ quản lý, giáo viên trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, người lao động; đặc biệt số lượng, cơ cấu, năng lực của đội ngũ nhân viên đảm nhiệm các nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục hiện nay tại đơn vị.

- Chất lượng tuyển sinh đầu cấp học: Trẻ 6 tuổi và hoàn thành chương trình mẫu giáo 5 tuổi.

- Điều kiện kinh tế- xã hội của địa phương trong vùng tuyển sinh: Phường Phương Đông

** Thuận lợi:*

Phường Phương Đông được thành lập theo Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 24/8/2011 trên cơ sở xã Phương Đông trước đây. Nằm ở phía Tây Nam thành

phố Ưông Bí, phía Đông giáp phường Thanh Sơn và phường Yên Thanh, phía Nam giáp phường Phương Nam, phía Bắc giáp xã Thượng Yên Công, phía Tây giáp xã Phạm Hồng Thái, huyện Đông Triều.

Tổng diện tích đất tự nhiên là: 2.397,81 ha, được chia thành 12 khu dân cư gồm 3.958 hộ với trên 15.000 nhân khẩu định cư ổn định. Phường có hệ thống giao thông đường bộ thuận tiện: có đường Quốc lộ 18A, Quốc lộ 10 chạy qua, có đường đi Yên Tử, đây là điều kiện rất thuận lợi trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và đô thị, phường có điều kiện phát triển kinh tế đa dạng ngành nghề như: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, du lịch - dịch vụ, sản xuất nông nghiệp chăn nuôi, thủy sản.

Văn hoá - Xã hội ngày được nâng lên, 12/12 khu có nhà sinh hoạt cộng đồng, có 01 trường Mầm non Phương Đông - Chuẩn cấp độ I; 02 trường Tiểu học Phương Đông A, Phương Đông B - Chuẩn cấp độ II; 01 trường Trung học cơ sở - Chuẩn cấp độ I.

** Khó khăn:*

Mặc dù có điều kiện thuận lợi trong phát triển kinh tế, tuy nhiên đời sống của một bộ phận nhân dân cũng còn gặp nhiều khó khăn. Trình độ và mặt bằng dân trí chưa cao do đa số nhân dân sinh sống trên địa bàn là lao động phổ thông, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, du lịch - dịch vụ, sản xuất nông nghiệp chăn nuôi, thủy sản trên địa bàn. Một bộ phận người dân có hoàn cảnh khó khăn ở nơi khác chuyển đến sinh sống có những hạn chế về nhận thức.

Tuy giao thông đã được thông suốt, song một số tuyến đường xuống cấp, nhỏ hẹp không thuận lợi trong việc đi lại, giao thương của nhân dân trên địa bàn.

3. Thực trạng về tổ chức, bộ máy, số lượng người làm việc trong đơn vị

3.1. Tổ chức bộ máy

3.1.1. Cơ cấu lãnh đạo: Cán bộ quản lý gồm Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng, đảm bảo các điều kiện tiêu chuẩn chức danh theo vị trí việc làm.

3.1.2 Số lượng các đơn vị trực thuộc: Trường bố trí 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng:

- Tổ chuyên môn 1-2-3 có 13 tổ viên;
- Tổ chuyên môn 4-5 có 13 tổ viên
- Tổ Văn phòng có 04 tổ viên.

Các tổ chức, đoàn thể trong trường gồm: Tổ chức Đảng; Tổ chức Công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Các hội đồng trong nhà trường (Hội đồng trường; Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật, Hội đồng tư vấn...) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học.

3.1.3. Số điểm trường, số lớp, số học sinh

- Số điểm trường: 01 điểm trường
- Số lớp: 14 lớp
- Số học sinh: 492 học sinh (bình quân 35 HS/lớp).

3.2. Số lượng người làm việc

3.2.1. Số lượng người làm việc được giao

- Viên chức: 26 người. Trong đó:
 - + Hưởng lương từ ngân sách 26 người;
 - + Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 0 người
- Hợp đồng lao động hưởng lương ngân sách (Dành cho Nhóm 4): 03 người (bảo vệ, vệ sinh).

3.2.2. Số lượng người làm việc, hợp đồng lao động hiện có:

- Viên chức: 23 người
- Hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách (Nhóm 4): 07 người (04 giáo viên; 03 bảo vệ, vệ sinh)
- Hợp đồng lao động hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 0 người

3.3. Kinh phí hoạt động

Là đơn vị được ngân sách đảm bảo 100% chi thường xuyên.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Các văn bản pháp lý liên quan đến việc thành lập, quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Luật Giáo dục 2019;
- Luật Viên chức 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;
- Bộ Luật Lao động năm 2019;
- Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;
- Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ quy định về việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;
- Quyết định số 188/1999/QĐ-TTg ngày 17/9/1999 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tuần làm việc 40 giờ;

- Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông; Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09/6/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT.

- Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học;

- Quyết định số 1792/QĐ-UBND ngày 01/9/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí về việc sáp nhập trường tiểu học Võ Thị Sáu về trường tiểu học Trần Phú.

- Quyết định số 4306/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí về việc điều chỉnh giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục do UBND thành phố quản lý giai đoạn 2023 - 2025

- Quyết định số 4800/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND thành phố về việc tạm giao số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc UBND thành phố Uông Bí quản lý năm 2023;

2. Văn bản quy định về chức danh nghề nghiệp, cơ cấu viên chức và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập

- Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

- Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

- Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

- Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế; Thông tư liên tịch số 13/2016/TT-TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học;

- Thông tư liên tịch số 21/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GDĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

- Thông tư số 21/2022/TT-BGDĐT ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương nhân viên thiết bị, thí nghiệm trong các trường trung học và trường chuyên biệt công lập;

- Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học; Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện;

- Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin;

- Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03/6/2022 của Bộ Tài chính quy định về mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ;

- Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh về việc xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh Quảng Ninh.

Phần II

XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC VÀ CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

I. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Căn cứ Điều 5 Nghị định số 106/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; Điều 5 của Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hướng dẫn vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập theo thứ tự sau:

1. Danh mục vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 02 vị trí

1.1. Hiệu trưởng

1.2. Phó hiệu trưởng

2. Danh mục vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 06
vị trí:

- 2.1. Giáo viên tiểu học hạng I
- 2.2. Giáo viên tiểu học hạng II
- 2.3. Giáo viên tiểu học hạng III
- 2.4. Nhân viên Giáo vụ
- 2.5. Nhân viên Tư vấn học sinh
- 2.6. Nhân viên Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật

3. Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 11 vị trí

- 3.1. Thư viện viên hạng II
- 3.2. Thư viện viên hạng III
- 3.3. Thư viện viên hạng IV
- 3.4. Chuyên viên về quản trị công sở
- 3.5. Kế toán viên;
- 3.6. Kế toán viên trung cấp
- 3.7. Chuyên viên thủ quỹ
- 3.8. Cán sự thủ quỹ
- 3.9. Nhân viên thủ quỹ
- 3.10. Văn thư viên
- 3.11. Văn thư viên trung cấp
- 3.12. **Y tế học đường**

4. Nhóm vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 04 vị trí

- 4.1. Nhân viên Bảo vệ
- 4.2. Nhân viên Phục vụ
- 4.3. Nhân viên nấu ăn

II. XÁC ĐỊNH CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

TT	Vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Ngạch, Chức danh nghề nghiệp	Mã số ngạch, CDNN	Số lượng NLV cần có
I	Nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	2			2

1	Hiệu trưởng	1			1
2	Phó Hiệu trưởng	1			1
II	Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	06			25
1	Giáo viên tiểu học hạng I	1	Giáo viên tiểu học hạng I	V.07.03.27	5
2	Giáo viên tiểu học hạng II	1	Giáo viên tiểu học hạng II	V.07.03.28	15
3	Giáo viên tiểu học hạng III	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	2
4	Nhân viên Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	1	Nhân viên Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	V.07.06.16	1
5	Nhân viên giáo vụ	1	Nhân viên Giáo vụ	V.07.07.21	1
6	Nhân viên Tư vấn học sinh	1			1
III	Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	12			4
1	Thư viện viên hạng II	1	Thư viện viên hạng II	V.10.02.05	0
2	Thư viện viên hạng III	1	Thư viện viên hạng III	V.10.02.06	0
3	Thư viện viên hạng IV	1	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	1
4	Chuyên viên về quản trị công sở	1	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	0
5	Kế toán viên	1	Kế toán viên	06.031	0

6	Kế toán viên trung cấp	1	Kế toán viên trung cấp	06.032	1
7	Chuyên viên thủ quỹ	1		01.003	0
8	Cán sự thủ quỹ	1		01.004	0
9	Nhân viên thủ quỹ	1		01.005	1
10	Văn thư viên	1	Văn thư viên	02.007	0
11	Văn thư viên trung cấp	1	Văn thư viên trung cấp	02.008	0
12	Nhân viên Y tế học đường	1	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	1
IV	Nhóm vị trí việc hỗ trợ, phục vụ	3			3
1	Nhân viên bảo vệ	1			2
2	Nhân viên phục vụ	1			1
3	Nhân viên nấu ăn	1			0
Tổng cộng		21			

III. XÁC ĐỊNH CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHIỆP NGHIỆP

Việc xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 3, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập

- Cơ cấu số lượng người làm việc tại vị trí việc làm viên chức nghiệp vụ chuyên ngành và vị trí việc làm viên chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung được xác định cơ cấu chức danh nghề nghiệp chiếm trên 65% tổng số lượng người làm việc của đơn vị theo quy định (28/31).

- Viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng I: 5/31 số viên chức được xác định chức danh nghề nghiệp, chiếm 16,12%.

- Viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II: 15/31 số viên chức được xác định chức danh nghề nghiệp, chiếm 48,38%.

- Viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng III: 02/31 số viên chức được xác định chức danh nghề nghiệp, chiếm 6,45%.

- Viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng VI: 01/31 số viên chức được xác định chức danh nghề nghiệp, chiếm 3,22% (nhân viên thư viện).

IV. BẢN MÔ TẢ VỊ TRÍ VIỆC LÀM (Kèm theo các bảng mô tả vị trí việc làm)

V. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

4.1. Với UBND thành phố

- Đề nghị UBND thành phố bổ sung thêm biên chế để đảm bảo đủ nhân lực nhằm thực hiện các hoạt động theo kế hoạch của nhà trường.

4.2. Các cơ quan, đơn vị liên quan

- Thẩm định đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý; tổng hợp và gửi cơ quan quản lý cấp trên phê duyệt theo quy định;

Trên đây là đề án về vị trí việc làm của Trường Tiểu học Phương Đông A. Kính đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố, Phòng Nội vụ thành phố thẩm định trình Sở Nội vụ thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt./.

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Thị Nhung